HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 263/2023/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 10322/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Đến hết năm 2030, các đối tượng đang được hưởng chính sách theo Nghị quyết này tiếp tục được hưởng cho đến hết thời gian hưởng theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, các văn bản viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: TU, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- TT Tích hợp DL và Chuyển đổi số tỉnh;
- TT Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Quận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 263/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng áp dụng đối với các cơ quan Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030.

2. Không áp dụng chính sách này đối với các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện chính sách.

2. Chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chỉ áp dụng đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút, hỗ trợ. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo cần thu hút, hỗ trợ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Người được hưởng chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp chuyên môn, học hàm, học vị thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với bằng cấp hoặc học hàm, học vị cao nhất phù hợp với vị trí việc làm cần thu hút, hỗ trợ.

5. Chính sách thu hút, đãi ngộ không dùng để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

6. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức tự đào tạo, bồi dưỡng theo quy định này.

Chương II
CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Chính sách thu hút áp dụng đối với những người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức thuộc tỉnh Lâm Đồng có học hàm, học vị, trình độ đào tạo như sau:

a) Giáo sư;

b) Phó Giáo sư;

c) Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II;

d) Thạc sĩ các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút; Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú, Dược sĩ chuyên khoa cấp I;

đ) Đại học các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút.

2. Chính sách thu hút không áp dụng đối với những trường hợp sau:

a) Người được tuyển dụng vào làm công chức, viên chức là các đối tượng được tỉnh cử đi đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển, theo đặt hàng của tỉnh.

b) Các đối tượng được tiếp nhận vào làm công chức từ cấp huyện trở lên, gồm: Người đang là viên chức, cán bộ, công chức cấp xã, người quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng; người đã từng là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng, sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

c) Các đối tượng được tiếp nhận vào làm viên chức, gồm: Người đang là cán bộ, công chức cấp xã, người quản lý doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng; người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

d) Các đối tượng được tiếp nhận vào làm công chức cấp xã, gồm: Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng; người thôi giữ chức vụ cán bộ ở cấp xã, thuộc tỉnh Lâm Đồng; người đã từng là cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng, sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn của người được thu hút

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, không bị kỷ luật hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

2. Phải được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức theo quy định hiện hành và có cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng đủ 10 năm.

3. Người được thu hút phải đảm bảo độ tuổi như sau:

a) Các đối tượng tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này không quá 50 tuổi;

b) Các đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định này không quá 40 tuổi;

c) Các đối tượng tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Quy định này không quá 35 tuổi.

Điều 5. Mức hỗ trợ hàng tháng, hỗ trợ bằng tiền một lần và chính sách nhà ở

1. Các đối tượng tại khoản 1 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ tiền hàng tháng bằng 80% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), thời gian hưởng không quá 5 năm và mức hỗ trợ tiền một lần như sau:

a) Các đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này: 500.000.000 đồng/người.

b) Các đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định này: 400.000.000 đồng/người.

c) Các đối tượng tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này: 250.000.000 đồng/người.

d) Các đối tượng tại điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định này: 150.000.000 đồng/người.

đ) Các đối tượng tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Quy định này: 80.000.000 đồng/người.

2. Các đối tượng khoản 1 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ giải quyết cho thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội hoặc thuê nhà ở công vụ trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thực hiện đầy đủ, đúng nội dung đã cam kết.

3. Trong thời gian cam kết công tác tại tỉnh Lâm Đồng, người được hưởng chính sách thu hút phải hoàn trả số tiền hỗ trợ một lần đã được nhận theo quy định tại Điều 7 Quy định này, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc.

b) Tự ý bỏ việc, xin thôi việc hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc, xin chuyển công tác ra ngoài hệ thống chính trị của tỉnh Lâm Đồng.

c) Thực hiện chế độ tập sự không đạt yêu cầu bị cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc.

d) Đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ hai năm liên tiếp.

Điều 7. Hoàn trả chi phí thu hút

1. Cách tính số tiền hỗ trợ một lần phải hoàn trả:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là số tiền hỗ trợ một lần phải hoàn trả.

- F là mức hỗ trợ bằng tiền một lần mà người được hưởng chính sách thu hút được nhận.

- T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ của người được hưởng chính sách thu hút đã cam kết được tính bằng số tháng làm tròn.

- T2 là thời gian người được hưởng chính sách thu hút đã phục vụ được tính bằng số tháng làm tròn.

2. Việc quyết định hoàn trả tiền hỗ trợ một lần do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng để tư vấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Trả và thu hồi tiền hỗ trợ một lần:

a) Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoàn trả tiền hỗ trợ một lần của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đối tượng hoàn trả có trách nhiệm nộp trả đầy đủ số tiền phải hoàn trả.

b) Số tiền phải hoàn trả được nộp cho cơ quan, đơn vị đã chi trả.

Chương III
CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ

Điều 8. Đối tượng áp dụng

Người có tài năng trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 9. Mức hỗ trợ hàng tháng

Người có tài năng trong hoạt động công vụ được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng bằng 30% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong thời gian 12 tháng, kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách người có tài năng trong hoạt động công vụ.

Chương IV
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Điều 10. Đối tượng áp dụng

1. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo được áp dụng đối với:

a) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo theo kế hoạch, chương trình, đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cán bộ, công chức, viên chức tự túc chi phí đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần thu hút, đào tạo.

2. Không áp dụng chính sách này đối với các đối tượng được tỉnh cử đi đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển, theo đặt hàng của tỉnh; các đối tượng đã hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo từ các chương trình, đề án của các Bộ, ngành Trung ương; hưởng học bổng toàn phần từ nguồn tài trợ của chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế.

Điều 11. Điều kiện áp dụng

Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo được áp dụng đối với người có đủ các điều kiện sau đây:

1. Cán bộ, công chức, viên chức có thời gian công tác 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

2. Không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo lần đầu, trừ trường hợp được cử đi đào tạo theo yêu cầu của Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử đi đào tạo hoặc phê duyệt danh sách hỗ trợ chi phí đào tạo;

4. Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian gấp 02 lần thời gian đào tạo.

Điều 12. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo

1. Đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 10 Quy định này được thanh toán 100% chi phí đào tạo theo Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước thuộc tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy định này được hỗ trợ 20% chi phí đào tạo theo Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND.

Điều 13. Đền bù chi phí đào tạo

1. Đối tượng tại khoản 1 Điều 10 Quy định này có trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo, khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo.

b) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp.

c) Đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng trong thời gian cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại tỉnh Lâm Đồng mà cán bộ, công chức, viên chức tự ý bỏ việc, xin thôi việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc xin chuyển công tác ra ngoài hệ thống chính trị của tỉnh Lâm Đồng hoặc bị đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ hai năm liên tiếp.

2. Cách tính chi phí đền bù:

a) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, cán bộ, công chức, viên chức phải trả 100% chi phí đào tạo.

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí đền bù.

- F là tổng chi phí do cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học chi trả theo thực tế cho một người tham gia khóa học.

- T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa học (hoặc các khóa học) được tính bằng số tháng làm tròn.

- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

3. Điều kiện được giảm chi phí đền bù: Mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm 1,5% chi phí đền bù.

4. Việc quyết định đền bù chi phí đào tạo do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng xét đền bù để tư vấn giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

5. Trả và thu hồi chi phí đền bù:

a) Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đối tượng phải đền bù chi phí có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù.

b) Chi phí đền bù được nộp cho cơ quan, đơn vị đã chi trả cho khóa học.

Chương V
MỨC TIỀN THƯỞNG THÀNH TÍCH HỌC TẬP, CÔNG TÁC

Điều 14. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo theo kế hoạch, chương trình, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tự túc chi phí đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ phù hợp với các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo cần thu hút, đào tạo.

3. Cán bộ, công chức, viên chức tự túc kinh phí đi học ngoại ngữ.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được Nhà nước phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư.

Điều 15. Mức tiền thưởng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, khi có các văn bằng chuyên môn được thưởng như sau:

a) Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II: 60.000.000 đồng/người.

b) Thạc sĩ các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút; Bác sĩ chuyên khoa cấp I; Dược sĩ chuyên khoa cấp I; Bác sĩ nội trú: 40.000.000 đồng/người.

c) Đại học các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút, đào tạo: 20.000.000 đồng/người.

d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận để sử dụng tại Việt Nam, được thưởng bằng 200% của mức thưởng tương ứng với văn bằng quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tự túc chi phí đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí việc làm cần thu hút, đào tạo, khi có các văn bằng chuyên môn được thưởng bằng 150% của mức thưởng tương ứng với văn bằng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Cán bộ, công chức, viên chức tự túc chi phí đi học nâng cao trình độ ngoại ngữ, khi có chứng chỉ theo quy định được thưởng như sau:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 6 và tương đương trở lên: 8.000.000 đồng/chứng chỉ.

b) Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 5 và tương đương: 6.000.000 đồng/chứng chỉ.

c) Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 và tương đương: 4.000.000 đồng/chứng chỉ.

d) Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 và tương đương: 2.000.000 đồng/chứng chỉ.

4. Cán bộ, công chức, viên chức được Nhà nước phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư, được thưởng như sau:

a) Giáo sư: 150.000.000 đồng/người.

b) Phó Giáo sư: 100.000.000 đồng/người.

Chương VI
KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chính sách thu hút và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực theo Quy định này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.